

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 1869 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 27 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1533/TTr-LĐTBXH ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Tờ trình số 1813/TTr-LĐTBXH ngày 23 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động- Thương binh và Xã hội/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Công Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang;
- LĐVP, CVNC, TTPVHCC;
- Lưu: VT, phmanh.



Nguyễn Đức Chính

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ VÀ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI/UBND CẤP HUYỆN/ UBND CẤP XÃ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1869 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang)

A THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC: VIỆC LÀM				
1	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Nghị định 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ.
2	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Nghị định 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ.
3	Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động do đại dịch COVID-19	- Cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người sử dụng lao động - Trong 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định việc hỗ trợ	- Cơ quan bảo hiểm xã hội; - Trung tâm Phục vụ hành chính công.	Không quy định	Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
II	LĨNH VỰC: BẢO HIỂM XÃ HỘI				
1	Hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất do đại dịch COVID-19	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	- Cơ quan bảo hiểm xã hội; - Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Không quy định	Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC: VIỆC LÀM				
1	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Nghị định 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
2	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	
3	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	* Thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp (gồm: tên DN, địa chỉ trụ sở chính nhưng vẫn trên địa bàn cấp tỉnh đã cấp giấy phép, người đại diện theo pháp luật của DN); giấy phép bị mất; giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép: 05	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<i>ngày làm việc</i> (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ). * DN thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép: 08 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).			
4	Hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp do đại dịch COVID-19	05 ngày làm việc	Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở Lao động-TB&XH	Không quy định	Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ
II	LĨNH VỰC: LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG				
1	Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất do đại dịch COVID-19	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Cơ quan Bảo hiểm xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội	Không quy định	Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ
III	LĨNH VỰC: BẢO TRỢ XÃ HỘI				
1	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn thiện các thủ tục trong 10 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận đối tượng, trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc,	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét			trợ xã hội.
2	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	07 ngày làm việc	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Không	

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC: TỔ CHỨC – BIÊN CHẾ					
1	Thành lập Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định	Thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ)	Không	Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập
2	Tổ chức lại, giải thể Trung tâm dịch vụ việc làm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định	1. Thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ)	Không	Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập
		2. Thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nội vụ)	Không	

IV. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
I	LĨNH VỰC: BẢO TRỢ XÃ HỘI		
01		Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	<i>Loại bỏ khỏi danh mục công bố TTHC, vì được thực hiện giữa đối tượng và Cơ sở TGXH</i>

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực: Lao động-Tiền lương				
1	Hỗ trợ người lao động ngừng việc do đại dịch COVID-19	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	- Cơ quan bảo hiểm xã hội; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không quy định	Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC: BẢO TRỢ XÃ HỘI				
01	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp để chăm sóc, nuôi dưỡng và hoàn thiện các thủ tục trong 10 ngày làm việc,	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		kể từ khi tiếp nhận đối tượng, trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc, phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét quyết định.			
02	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	07 ngày làm việc	Bộ phận tiếp và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ
03	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp và trả kết quả UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ
II	LĨNH VỰC: LAO ĐỘNG-TIỀN LƯƠNG				
1	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	- Cơ quan bảo hiểm xã hội; - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện	Không quy định	Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ



II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
I	LĨNH VỰC: BẢO TRỢ XÃ HỘI		
01		Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Loại bỏ khỏi danh mục công bố TTHC, vì được thực hiện giữa đối tượng và Cơ sở TGXH (không có vai trò của CQ hành chính nhà nước)
02		Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	Các quy định về TTHC tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ hết hiệu lực.
03		Trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực: Việc làm				
1	Hỗ trợ hộ kinh doanh gặp khó khăn do đại dịch COVID-19	09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Không quy định	Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ
II	LĨNH VỰC: BẢO TRỢ XÃ HỘI				
01	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	*34 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng vào cơ sở cấp tỉnh; *27 ngày làm việc đối với tiếp nhận đối tượng	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		vào cơ sở cấp huyện.			
02	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng.	22 ngày làm việc	Bộ phận tiếp và trả kết quả UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.
03	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.	06 ngày làm việc	Bộ phận tiếp và trả kết quả UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.
04	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	08 ngày làm việc	Bộ phận tiếp và trả kết quả UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.
05	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp và trả kết quả UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.
06	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp và trả kết quả UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
07	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp và trả kết quả UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.
08	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp và trả kết quả UBND cấp xã	Không	Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
I. Lĩnh vực: Việc làm			
1	1.008364	Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch COVID-19.	Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ
I	LĨNH VỰC: BẢO TRỢ XÃ HỘI		
1		Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Các quy định về TTHC tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ hết hiệu lực.
2		Tiếp nhận đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội	Các quy định về TTHC tại Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ hết hiệu lực.
3		Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	TTHC này đề nghị loại ra khỏi danh mục công bố do trùng tên thủ tục số 12 (cấp xã) tại Quyết định 1665/QĐ-UBND ngày 17/7/2020

KIỂM TRA